

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học
kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 18/12/2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-ĐT ngày 22/8/2017 của Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học Quy định miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần tiếng Anh đối với sinh viên hệ chính quy trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ quyết định số 1042/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 16/12/2021 của Trường ĐHNL về việc Tổ chức thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 18/12/2021;

Căn cứ quyết định số 1403/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 16/12/2021 của trường ĐHNL về việc Thành lập Hội đồng thi và các ban chức năng kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 18/12/2021;

Căn cứ Báo cáo của Hội đồng thi về kết quả thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học kỳ thi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 18/12/2021, Đối tượng sinh viên Trường Đại học Nông Lâm (có danh sách thí sinh và kết quả kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Ứng dụng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Hội đồng thi và các thí sinh ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (T/h);
- BGH (B/c);
- Lưu: VT, NNTH.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Đối tượng Sinh viên - Địa điểm thi: Trục tuyển, Phòng máy tính, Trường Đại học Nông Lâm

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 24/11/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tín học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN1653040075	Bùi Tuấn	Anh	08/09/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTY48N03	5,6	5	Đạt	
2	DTN1353150001	Đình Đức	Anh	02/08/1995	Nam	Kinh	Bắc Kạn	LN45N01	5,4	9,5	Đạt	
3	DTN1653070030	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	11/01/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	TT48POHEN01	6,2	7	Đạt	
4	DTN1653150010	Nguyễn Sĩ Hoàng	Anh	29/05/1998	Nam	Kinh	Yên Bái	CNSH48	0	0	Không đạt	Máy tính lỗi, xin hoàn thi
5	DTN1658520004	Vũ Hồng	Anh	01/08/1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TY48N04	3,8	0	Không đạt	
6	DTN1653150013	Nguyễn Quốc	Ấn	12/11/1997	Nam	Kinh	Quảng Ninh	CNSH48	3	5,75	Không đạt	
7	DTN1453110016	Đậu Thái	Châu	17/06/1996	Nam	Kinh	Điện Biên	KHMTK46N02	6,2	7	Đạt	
8	DTN1853040026	LƯU QUANG	CHIẾN	28/09/2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY K50	0	0	Không đạt	Vắng thi
9	DTN1354120039	Hoàng Mạnh	Cường	24/08/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	DCMTK46N03	6	6	Đạt	
10	DTN1858510011	LÒ VĂN	DỤNG	08/11/2000	Nam	Thái	Sơn La	QLTN&MT K50	2,8	0	Không đạt	
11	DTN1253110007	Trịnh Đình	Đạt	02/10/1994	Nam	Tày	Bắc Kạn	KHMT44N02	5,2	7	Đạt	
12	DTN1653050246	Nguyễn Trung	Đức	01/11/1998	Nam	Kinh	Tuyên Quang	TY48N05	6	7,75	Đạt	
13	DTN1553070094	Dương Văn	Hải	07/09/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TT47POHEN02	7	7,5	Đạt	
14	DTN18LT3070001	Nguyễn Thu	Hiền	01/03/1993	Nữ	Tày	Bắc Kạn	LT_TT 50	6,4	9,75	Đạt	
15	DTN1853170007	Trần Đại	Hiệp	28/08/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTP K50	7	6,5	Đạt	
16	DTN1753150008	Hà Văn	Hiếu	01/07/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNSH49	4,4	5,5	Không đạt	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tin học	Ghi chú
									LT	TH		
17	DTN1653050221	Hoàng Thị	Hoa	23/08/1998	Nữ	Tày	Thái Nguyên	TY48N01	2,2	5,75	Không đạt	
18	DTN1753050180	Đinh Thị	Huế	18/01/1999	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	TY49N03	6	5,5	Đạt	
19	DTN1353160037	Hà Duy	Huệ	14/07/1995	Nam	Tày	Bắc Kạn	QLTNRK46N03	4	0	Không đạt	
20	DTN1753040041	Nguyễn Quang	Huy	08/03/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49(POHE)	6,4	8	Đạt	
21	DTN18VB23150001	Trịnh Bá	Huy	14/10/1986	Nam		Đắk Lắk	VB2_CNSH 50	5,4	9,5	Đạt	
22	DTN1853150011	NÔNG THỊ	HƯƠNG	09/02/2000	Nữ	Nùng	Thái Nguyên	CNSH K50	0	7,5	Không đạt	Máy tính lỗi, k thi được Lý th xin hoãn thi
23	DTN1653050263	Tổng Duy	Khánh	24/06/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY48N01	6,8	8	Đạt	
24	DTN1753040083	Hoàng Văn	Khiêm	29/01/1999	Nam	Tày	Thái Nguyên	CNTY49N01	6	8,5	Đạt	
25	DTN1853150021	PHẠM MẠNH	KHÔI	28/11/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	CNSH K50	5,8	7	Đạt	
26	DTN1853150026	Sùng A	Khua	05/05/2000	Nam	H'Mông	Điện Biên	CNSHK51	0	7	Không đạt	Máy tính lỗi, k thi được Lý th xin hoãn thi
27	DTN1753150011	Đào Minh	Lệ	01/01/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNSH49	5,4	8,25	Đạt	
28	DTN1653150014	Vũ Hoàng Tiểu	Linh	19/02/1998	Nữ	Tày	Bắc Kạn	CNTP48	7,2	9,25	Đạt	
29	DTN2053070001	Đinh Thị	Lựu	10/06/2002	Nữ	Tày	Cao Bằng	QLĐĐ 52	4,4	8	Không đạt	
30	DTN1753160022	Vàng A	Ly	27/08/1996	Nam	Mông	Sơn La	QLTNR49	4,6	3,25	Không đạt	
31	DTN1553040139	Lê Đức	Mạnh	01/03/1997	Nam	Mường	Phú Thọ	CNTYK47POHE	4,6	2,75	Không đạt	
32	DTN1153060073	Nguyễn Ngọc	Minh	08/05/1993	Nam		Thái Nguyên	LN43N02	0	0	Không đạt	Vắng thi
33	DTN1853040001	DƯƠNG ĐẮC	NAM	13/01/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	CNTY K50	4,2	0	Không đạt	
34	DTN1253180088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	08/05/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	DCMT44N01	7,6	8,5	Đạt	
35	DTN18LT4140001	Lý A	Pênh	21/05/1996	Nam	Mông	Điện Biên	LT_PTNT 50	5	7,75	Đạt	

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tín học	Ghi chú
									LT	TH		
36	DTN1453070033	Bùi Thị Mai	Phuong	26/11/1996	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	TT47POHEN02	6,8	4,5	Không đạt	
37	DTN1254120079	Mã Duy	Phuong	02/03/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	QLDD44N02	6,2	6,25	Đạt	
38	DTN1553140001	Phùng Văn	Quang	07/10/1997	Nam	Nùng	Lạng Sơn	TY47N04	5,6	7,75	Đạt	
39	DTN1654110056	Vien Vongsit	Sutniphone	25/01/1999	Nữ			KTTN48	5,6	5,25	Đạt	
40	DTN1753040038	Phạm Duy	Thái	21/07/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49N01	4,4	3,75	Không đạt	
41	DTN1353060209	Triệu Thị	Thuy	07/08/1995	Nữ	Tày	Tuyên Quang	LN45N01	5,4	5,25	Đạt	
42	DTN1853150025	NÔNG THỊ	THƯỜNG	21/04/2000	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	CNSH K50	5,8	7,25	Đạt	
43	DTN2054120007	Lê Thị Quỳnh	Trang	16/03/2002	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	QLĐĐ 52	5	3,5	Không đạt	
44	DTN1653050405	Đỗ Thanh	Tùng	23/06/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY48N06	6,2	6	Đạt	
45	DTN1853150022	NGUYỄN NGỌC	VÂN	31/12/2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNSH K50	5,6	5,75	Đạt	
46	DTN1653070116	Hoàng Gia	Việt	14/06/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TT48POHEN01	8,4	8	Đạt	

Ấn định danh sách: 46 sinh viên

Số sinh viên đăng ký dự thi

46

Số sinh viên dự thi phần thi Thực hành

43

Số sinh viên vắng thi phần thi Thực hành

3 (2 vắng thi không lý do, 1 xin hoãn thi do máy tính lỗi)

Số sinh viên dự thi phần thi Lý thuyết

41

Số sinh viên vắng thi phần thi Lý thuyết

5 (2 vắng thi không lý do, 3 xin hoãn thi do máy tính lỗi)

Số sinh viên vi phạm quy chế thi

0

Số sinh viên đạt Chuẩn đầu ra Tin học

28

Số sinh viên không đạt Chuẩn đầu ra Tin học

18

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG NHẬN DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TÍN HỌC
KỶ THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

**Đối tượng Sinh viên - Địa điểm thi: Trục tuyển, Phòng máy tính, Trường Đại học Nông Lâm
(Kèm theo Quyết định số 1048/QĐ-ĐHNL-NNTH ngày 24/12/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL)**

STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CĐR tín học	Ghi chú
									LT	TH		
1	DTN1653040075	Bùi Tuấn	Anh	08/09/1998	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTY48N03	5,6	5	Đạt	
2	DTN1353150001	Đình Đức	Anh	02/08/1995	Nam	Kinh	Bắc Kạn	LN45N01	5,4	9,5	Đạt	
3	DTN1653070030	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	11/01/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	TT48POHEN01	6,2	7	Đạt	
4	DTN1453110016	Đậu Thái	Châu	17/06/1996	Nam	Kinh	Điện Biên	KHMTK46N02	6,2	7	Đạt	
5	DTN1354120039	Hoàng Mạnh	Cường	24/08/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	DCMTK46N03	6	6	Đạt	
6	DTN1253110007	Trịnh Đình	Đạt	02/10/1994	Nam	Tày	Bắc Kạn	KHMT44N02	5,2	7	Đạt	
7	DTN1653050246	Nguyễn Trung	Đức	01/11/1998	Nam	Kinh	Tuyên Quang	TY48N05	6	7,75	Đạt	
8	DTN1553070094	Dương Văn	Hải	07/09/1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TT47POHEN02	7	7,5	Đạt	
9	DTN18LT3070001	Nguyễn Thu	Hiền	01/03/1993	Nữ	Tày	Bắc Kạn	LT_TT 50	6,4	9,75	Đạt	
10	DTN1853170007	Trần Đại	Hiệp	28/08/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	CNTP K50	7	6,5	Đạt	
11	DTN1753050180	Đình Thị	Huế	18/01/1999	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	TY49N03	6	5,5	Đạt	
12	DTN1753040041	Nguyễn Quang	Huy	08/03/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	CNTY49(POHE)	6,4	8	Đạt	
13	DTN18VB23150001	Trịnh Bá	Huy	14/10/1986	Nam		Đắk Lắk	VB2_CNSH 50	5,4	9,5	Đạt	
14	DTN1653050263	Tổng Duy	Khánh	24/06/1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TY48N01	6,8	8	Đạt	
15	DTN1753040083	Hoàng Văn	Khíêm	29/01/1999	Nam	Tày	Thái Nguyên	CNTY49N01	6	8,5	Đạt	
16	DTN1853150021	PHẠM MẠNH	KHÔI	28/11/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	CNSH K50	5,8	7	Đạt	



STT	Mã Sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi Sinh	Lớp quản lý	Điểm		Đạt CDR tín học	Ghi chú
									LT	TH		
17	DTN1753150011	Đào Minh	Lệ	01/01/1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNSH49	5,4	8,25	Đạt	
18	DTN1653150014	Vũ Hoàng Tiểu	Linh	19/02/1998	Nữ	Tày	Bắc Kạn	CNTP48	7,2	9,25	Đạt	
19	DTN1253180088	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	08/05/1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	DCMT44N01	7,6	8,5	Đạt	
20	DTN18LT4140001	Lý A	Pênh	21/05/1996	Nam	Mông	Điện Biên	LT_PTNT 50	5	7,75	Đạt	
21	DTN1254120079	Mã Duy	Phuong	02/03/1994	Nam	Tày	Thái Nguyên	QLDD44N02	6,2	6,25	Đạt	
22	DTN1553140001	Phùng Văn	Quang	07/10/1997	Nam	Nùng	Lạng Sơn	TY47N04	5,6	7,75	Đạt	
23	DTN1654110056	Vien Vongsit	Sutniphone	25/01/1999	Nữ			KTNN48	5,6	5,25	Đạt	
24	DTN1353060209	Triệu Thị	Thuy	07/08/1995	Nữ	Tày	Tuyên Quang	LN45N01	5,4	5,25	Đạt	
25	DTN1853150025	NÔNG THỊ	THƯỜNG	21/04/2000	Nữ	Nùng	Lạng Sơn	CNSH K50	5,8	7,25	Đạt	
26	DTN1653050405	Đỗ Thanh	Tùng	23/06/1998	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	TY48N06	6,2	6	Đạt	
27	DTN1853150022	NGUYỄN NGỌC	VÂN	31/12/2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	CNSH K50	5,6	5,75	Đạt	
28	DTN1653070116	Hoàng Gia	Việt	14/06/1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên	TT48POHEN01	8,4	8	Đạt	

Ấn định danh sách 28 sinh viên.